

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ I CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2020	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 37

\*\*\*\*\*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6,800,516,258,269</b>	<b>6,652,595,735,451</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>102,744,878,666</b>	<b>118,142,382,645</b>
1.	Tiền	111		102,644,878,666	118,142,382,645
2.	Các khoản tương đương tiền	112		100,000,000	-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>3,297,550,657,798</b>	<b>3,178,426,833,594</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	455,173,371,554	514,695,503,218
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(143,414,640,789)	(137,506,487,068)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	2,985,791,927,033	2,801,237,817,444
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,035,106,009,918</b>	<b>957,125,800,733</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	585,929,338,977	652,578,397,027
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		570,197,513,821	608,316,325,735
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		15,731,825,156	44,262,071,292
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	136,208,988,294	90,460,808,098
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12,740,000,000	13,140,000,000
5.	Các khoản phải thu khác	136	V.5	346,781,664,522	249,425,428,475
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(46,553,981,875)	(48,478,832,867)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14,414,563,644</b>	<b>15,999,232,660</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	14,414,563,644	15,999,232,660
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>451,480,459,788</b>	<b>399,506,624,819</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	445,096,638,701	392,988,957,776
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		443,841,549,236	392,345,860,078
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,255,089,465	643,097,698
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,887,034,235	6,043,436,712
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	1,496,786,852	474,230,331
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>VIII</b>	<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>		<b>1,899,219,688,455</b>	<b>1,983,394,861,000</b>
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	V.18	1,324,552,051,184	1,373,748,583,697
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	V.18	574,667,637,271	609,646,277,303



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,071,363,114,107</b>	<b>961,951,592,092</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>60,931,297,264</b>	<b>83,259,389,178</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	250,000,000
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		60,931,297,264	83,009,389,178
6.1	<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	216.1		<i>10,280,000,000</i>	<i>10,280,000,000</i>
6.2	<i>Phải thu dài hạn khác</i>	216.2		<i>50,651,297,264</i>	<i>72,729,389,178</i>
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102,758,234,161</b>	<b>107,256,657,789</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	94,748,327,095	98,932,022,661
	<i>Nguyên giá</i>	222		<i>213,704,335,395</i>	<i>215,890,678,814</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(118,956,008,300)</i>	<i>(116,958,656,153)</i>
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8,009,907,066	8,324,635,128
	<i>Nguyên giá</i>	228		<i>18,960,592,486</i>	<i>18,637,092,486</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(10,950,685,420)</i>	<i>(10,312,457,358)</i>
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>133,355,131,316</b>	<b>134,269,251,437</b>
	<i>Nguyên giá</i>	231		<i>145,709,389,296</i>	<i>145,709,389,296</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		<i>(12,354,257,980)</i>	<i>(11,440,137,859)</i>
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>50,607,865,985</b>	<b>49,296,477,314</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	50,607,865,985	49,296,477,314
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>695,022,829,065</b>	<b>553,852,252,675</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	44,273,622,099	42,383,971,413
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	74,173,771,025	96,373,299,985
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(33,258,006,931)	(47,742,571,184)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	609,833,442,872	462,837,552,461
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28,687,756,316</b>	<b>34,017,563,699</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	27,293,588,945	32,537,961,484
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	41,332,557
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		1,394,167,371	1,438,269,658
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7,871,879,372,376</b>	<b>7,614,547,327,543</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5,955,243,670,996</b>	<b>5,746,984,869,886</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5,919,832,718,376</b>	<b>5,734,022,260,756</b>
1.	Phải trả cho người bán	311	V.14	648,215,411,327	554,948,319,769
1.1	<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>311.1</i>		<i>618,674,939,531</i>	<i>500,572,000,572</i>
1.2	<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>311.2</i>		<i>29,540,471,796</i>	<i>54,376,319,197</i>
2.	Người mua trả tiền trước	312	V.15	13,452,162,916	6,817,186,836
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	35,189,919,582	51,618,893,485
4.	Phải trả người lao động	314		60,751,312,213	61,510,981,320
5.	Chi phí phải trả	315		6,495,555,496	13,439,688,892
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		73,603,740,413	119,073,727,582
7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		309,866,295,640	293,161,262,536
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	122,470,762,053	106,110,480,490
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		88,760,595,673	6,287,285,564
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		95,000,000,000	95,000,000,000
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		189,836,139	175,336,139
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13.	Dự phòng nghiệp vụ	329	V.18	4,465,837,126,924	4,425,879,098,143
13.1	<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>V.18a</i>	<i>3,257,234,465,126</i>	<i>3,160,260,976,999</i>
13.2	<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>319.2</i>	<i>V.18a</i>	<i>1,093,750,158,441</i>	<i>1,161,842,936,713</i>
13.3	<i>Dự phòng giao động lớn</i>	<i>319.3</i>	<i>V.18b</i>	<i>114,852,503,357</i>	<i>103,775,184,431</i>
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35,410,952,620</b>	<b>12,962,609,130</b>
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	26,957,182,806	1,320,665,586
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		8,453,769,814	11,360,701,654
4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	281,241,890

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1,916,635,701,380</b>	<b>1,867,562,457,657</b>	
	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>1,916,635,701,380</b>	<b>1,867,562,457,657</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000	
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000	
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804	
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	22,927,850,857	22,927,850,857	
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	55,402,458,511	55,402,458,511	
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	201,741,948,104	151,901,227,577	
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	154,476,914,910	44,173,460,600	
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	47,265,033,194	107,727,766,977	
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4,663,301,104	5,430,777,908	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>7,871,879,372,376</b>	<b>7,614,547,327,543</b>	

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		207,619,235,541	207,619,235,541
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		327,434.89	347,266.52
Euro (EUR)		28,153.70	28,156.27
Bảng Anh (£)		326.48	328.03

Lập, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		1,102,995,421,809	869,870,932,007
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		2,997,882,759	1,580,584,779
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2	VI.2	4,945,177,381	31,688,134,365
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.3	70,487,703,822	48,349,998,228
4. Thu nhập khác	13		1,940,726,263	190,281,613
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		927,516,193,778	620,665,400,088
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		1,010,367,921	753,479,980
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		2,588,562,533	27,903,214,574
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	30,489,496,124	32,127,749,226
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	483,396,068
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.5	164,402,243,375	223,513,097,364
9. Chi phí khác	24		687,415,394	143,694,564
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		1,889,650,686	454,320,779
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		58,562,283,595	46,544,219,907

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	11,297,250,401	9,293,777,594
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>47,265,033,194</u>	<u>37,250,442,313</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		24,403,845	9,782,397
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		47,240,629,349	37,240,659,916
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>588</u>	<u>463</u>

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Đơn vị: đồng)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Quý I.2020	Quý I.2019	Năm nay / Năm trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>01</b>	<b>1,431,461,816,134</b>	<b>1,015,631,585,587</b>	<b>1,015,631,585,587</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	1,515,103,602,167	1,321,310,728,259	1,321,310,728,259
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	13,331,702,094	14,368,006,713	14,368,006,713
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	96,973,488,127	320,047,149,385	320,047,149,385
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>02</b>	<b>469,897,483,582</b>	<b>312,066,913,088</b>	<b>312,066,913,088</b>
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	420,700,951,069	518,143,335,341	518,143,335,341
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	(49,196,532,513)	206,076,422,253	206,076,422,253
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>	<b>961,564,332,552</b>	<b>703,564,672,499</b>	<b>703,564,672,499</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>04</b>	<b>141,431,089,257</b>	<b>166,306,259,508</b>	<b>166,306,259,508</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	122,620,052,208	63,935,316,644	63,935,316,644
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	18,811,037,049	102,370,942,864	102,370,942,864
<b>5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10.1</b>	<b>1,102,995,421,809</b>	<b>869,870,932,007</b>	<b>869,870,932,007</b>
<b>5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác</b>	<b>10.2</b>	<b>4,945,177,381</b>	<b>31,688,134,365</b>	<b>31,688,134,365</b>
<b>6. Chi bồi thường</b>	<b>11</b>	<b>461,349,709,639</b>	<b>388,494,374,792</b>	<b>388,494,374,792</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1	465,181,383,312	392,575,340,039	392,575,340,039
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2	3,831,673,673	4,080,965,247	4,080,965,247
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>	<b>102,608,914,418</b>	<b>87,333,682,040</b>	<b>87,333,682,040</b>



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý I.2020	Quý I.2019	Năm nay / Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(68,092,778,272)	32,269,997,213	32,269,997,213
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(34,978,640,032)	36,035,825,234	36,035,825,234
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		325,626,656,981	297,394,864,731	297,394,864,731
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		11,077,318,926	8,175,353,997	8,175,353,997
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		590,812,217,871	315,095,181,360	315,095,181,360
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		120,008,561,667	78,203,036,882	78,203,036,882
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		470,803,656,204	236,892,144,478	236,892,144,478
13.1 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18.1		927,516,193,778	620,665,400,088	620,665,400,088
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		2,588,562,533	27,903,214,574	27,903,214,574
14.1 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19.1		175,479,228,031	249,205,531,919	249,205,531,919
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	19.2		2,356,614,848	3,784,919,791	3,784,919,791
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		2,997,882,759	1,580,584,779	1,580,584,779
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		1,010,367,921	753,479,980	753,479,980
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		1,987,514,838	827,104,799	827,104,799
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.3	70,487,703,822	48,349,998,228	48,349,998,228
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.4	30,489,496,124	32,127,749,226	32,127,749,226
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		39,998,207,698	16,222,249,002	16,222,249,002
21. Chi phí bán hàng	26.1		-	483,396,068	483,396,068
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.5	164,402,243,375	223,513,097,364	223,513,097,364
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		55,419,322,040	46,043,312,079	46,043,312,079

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất** (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý I.2020	Quý I.2019	Năm nay Năm trước
23.		31	Thu nhập khác	1,940,726,263	190,281,613	1,940,726,263 190,281,613
24.		32	Chi phí khác	687,415,394	143,694,564	687,415,394 143,694,564
25.		40	Lợi nhuận khác (40=31-32)	1,253,310,869	46,587,049	1,253,310,869 46,587,049
25.		41	Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	1,889,650,686	454,320,779	1,889,650,686 454,320,779
26.		50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	58,562,283,595	46,544,219,907	58,562,283,595 46,544,219,907
27.		51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	11,297,250,401	9,293,777,594	11,297,250,401 9,293,777,594
28.		52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	- -
29.		60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	47,265,033,194	37,250,442,313	47,265,033,194 37,250,442,313
37.		60.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24,403,845	9,782,397	24,403,845 9,782,397
38.		60.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	47,240,629,349	37,240,659,916	47,240,629,349 37,240,659,916
30.		70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	588 463

Người lập biểu



**Phạm Hồng Tiên**

Kế toán trưởng



**Cao Thu Hiền**

Lập, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Tổng Giám đốc



**Bùi Xuân Thu**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58,562,283,595	46,544,219,907
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,549,700,330	5,592,110,625
- Các khoản dự phòng	03		113,631,939,802	94,786,427,798
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(61,841,473,140)	(32,404,923,639)
- Chi phí lãi vay	06		549,334,656	2,574,878,865
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		114,451,785,243	117,092,713,556
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10,613,554,646)	(126,173,556,839)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,584,669,016	(2,814,006,973)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		89,438,840,149.00	161,478,101,302
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(46,863,308,386)	(40,691,663,734)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		59,522,131,664	130,812,347,862
- Tiền lãi vay đã trả	14		(549,334,656)	(2,574,878,865)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13,555,295,611)	(9,267,560,742)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14,500,000	21,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>193,430,432,773</b>	<b>227,882,495,567</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		551,454,748	(7,841,783,046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(854,889,112,293)	(391,977,250,945)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		523,339,112,293	184,881,267,227
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		20,309,878,274	6,881,267,227
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18,947,042,307	8,071,694,309
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(291,741,624,671)</b>	<b>(199,984,805,228)</b>



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		83,670,552,298	50,376,892,835
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,197,242,189)	(908,304,906)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		440,377,810	(31,430,906)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>82,913,687,919</b>	<b>49,437,157,023</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(15,397,503,979)</b>	<b>77,334,847,362</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>118,142,382,645</b>	<b>124,625,653,602</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>102,744,878,666</b>	<b>201,960,500,964</b>

Lập, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

QUÝ I BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam <sup>(i)</sup>	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	-	93,63%	-	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%	49%

(i) Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-PTI-HDQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.198.000 cổ phần tương đương 93,63% vốn điều lệ thực góp với giá khởi điểm là 9.800 VND/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần thương mại Xăng dầu Việt Nam.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### 8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 Tổng Công ty có 2.331 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.292 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Chi phí trả trước**

#### ***Chi phí phát triển đại lý***

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### ***Tiền thuê văn phòng***

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

#### ***Công cụ dụng cụ***

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ**

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

#### ***Dự phòng phí chưa được hưởng***

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

### **Chi phí hoa hồng chưa phân bổ**

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

### **Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp		Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước		

### **Dự phòng dao động lớn**

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **14. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **15. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### ***Quỹ dự trữ bắt buộc***

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **17. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2020 : 23.720 VND/USD  
31/12/2019 : 23.230 VND/USD

### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc**

##### ***Doanh thu phí bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

#### ***Chi bồi thường***

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

#### ***Hoa hồng***

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

#### **Hoạt động nhận tái bảo hiểm**

##### ***Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định***

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

#### **Hoạt động nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

#### **Hoạt động đầu tư**

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

##### ***Chi phí hoạt động đầu tư***

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

## **19. Công cụ tài chính**

### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

## **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10,967,893,492	7,262,997,130
Tiền gửi ngân hàng	88,256,735,174	107,623,805,515
Tiền đang chuyển	3,420,250,000	3,255,580,000
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> )	100,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>102,744,878,666</u></b>	<b><u>118,142,382,645</u></b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	455,173,371,554	311,758,730,765	514,695,503,218	377,189,016,150
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3,595,625,369,905	3,588,057,295,931	3,264,075,369,905	3,256,731,369,905
<i>Ngắn hạn</i>	2,985,791,927,033	2,985,791,927,033	2,801,237,817,444	2,801,237,817,444
Tiền gửi có kỳ hạn	2,880,957,627,033	2,880,957,627,033	2,696,403,517,444	2,696,403,517,444
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	4,834,300,000	4,834,300,000	4,834,300,000	4,834,300,000
Đầu tư trái phiếu	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
<i>Dài hạn</i>	609,833,442,872	602,265,368,898	462,837,552,461	455,493,552,461
Tiền gửi có kỳ hạn	488,920,000,000	488,920,000,000	341,924,109,589	341,924,109,589
Đầu tư trái phiếu	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	12,913,442,872	12,689,368,898	12,913,442,872	12,913,442,872
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8,000,000,000	656,000,000	8,000,000,000	656,000,000
<b>Cộng</b>	<b>4,050,798,741,459</b>	<b>3,899,816,026,696</b>	<b>3,778,770,873,123</b>	<b>3,633,920,386,055</b>

##### 2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang <sup>(1)</sup>	20,152,200,000	-	20,152,200,000	20,152,200,000	-	20,152,200,000
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử <sup>(2)</sup>	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
<b>Cộng</b>	<b>34,444,900,000</b>	<b>-</b>	<b>34,444,900,000</b>	<b>122,644,900,000</b>	<b>-</b>	<b>122,177,838,159</b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	26,572,608,828	1,507,013,551	-	-	28,079,622,379
(2)	15,811,362,585	382,637,135	-	-	16,193,999,720
<b>Cộng</b>	<b>42,383,971,413</b>	<b>1,889,650,686</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>44,273,622,099</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15,000,000,000	4,469,439,932	15,000,000,000	4,469,439,932
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17,080,000,000	-	17,080,000,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Công ty Cổ phần 36	32,663,771,025	21,220,493,025	54,863,299,985	35,929,131,252
<b>Cộng</b>	<b>74,173,771,025</b>	<b>25,689,932,957</b>	<b>96,373,299,985</b>	<b>40,398,571,184</b>

### 3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	311,321,915,097	340,234,806,699
Phải thu về tái bảo hiểm	258,875,598,724	268,081,519,036
Phải thu khách hàng khác	15,731,825,156	44,262,071,292
<b>Cộng</b>	<b>585,929,338,977</b>	<b>652,578,397,027</b>

### 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	106,599,166,761	69,265,768,884
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	1,002,873,653	1,030,789,360
Trả trước cho nhà cung cấp khác	28,606,947,880	20,164,249,854
<b>Cộng</b>	<b>136,208,988,294</b>	<b>90,460,808,098</b>

### 5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	209,370,443,065	166,476,012,232
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Tạm ứng hoa hồng đại lý	23,019,066,464	18,000,000,000
Tạm ứng kinh doanh	57,284,991,758	14,667,161,599
Ký quỹ	3,483,191,872	1,638,862,379
Các khoản phải thu khác	48,009,789,609	43,029,210,511
<b>Cộng</b>	<b>346,781,664,522</b>	<b>249,425,428,475</b>

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	48,478,832,867	60,832,254,221
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	838,538,608	511,115,483
Sử dụng dự phòng	-	(11,146,059,438)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1,718,477,399)
Giảm do thanh lý công ty con	(2,763,389,600)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>46,553,981,875</b>	<b>48,478,832,867</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3,968,510,371	5,042,401,632
Công cụ, dụng cụ	383,186,032	446,455,942
Hàng hóa	10,062,867,241	10,510,375,086
<b>Cộng</b>	<b>14,414,563,644</b>	<b>15,999,232,660</b>

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	443,841,549,236	392,345,860,078
Chi phí khác	1,255,089,465	643,097,698
<b>Cộng</b>	<b>445,096,638,701</b>	<b>392,988,957,776</b>

(\*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	392,345,860,078	233,777,609,509
Số phát sinh trong năm	171,504,250,593	120,084,331,689
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(120,008,561,435)	(78,203,036,882)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>443,841,549,236</b>	<b>275,658,904,316</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	3,617,190,445	6,219,685,369
Chi phí thuê nhà	4,571,445,933	4,293,023,339
Chi phí phát triển đại lý	306,432,889	397,927,853
Các khoản chi phí khác	18,798,519,678	21,627,324,923
<b>Cộng</b>	<b>27,293,588,945</b>	<b>32,537,961,484</b>

### 9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	6,348,191	801,988
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1,407,285,935	384,274,774
Thuế khác	83,152,726	89,153,569
<b>Cộng</b>	<b>1,496,786,852</b>	<b>474,230,331</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	53,392,648,892	13,913,270,996	113,428,484,970	35,156,273,956	215,890,678,814
Mua sắm mới trong năm	-	-	1,230,970,909	236,860,000	1,467,830,909
XDCB hoàn thành trong năm	-	-	-	-	-
Giảm do hợp nhất	(676,312,055)	-	(945,425,818)	(34,500,000)	1,656,237,873
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	(1,997,936,455)	-	(1,997,936,455)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>52,716,336,837</b>	<b>13,913,270,996</b>	<b>111,716,093,606</b>	<b>35,358,633,956</b>	<b>213,704,335,395</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	26,959,018,606	1,018,628,295	65,401,062,919	23,579,946,333	116,958,656,153
Khấu hao trong năm	133,224,783	1,265,511,370	2,123,550,695	1,065,515,422	4,587,802,270
Giảm do hợp nhất	(215,192,302)	-	(945,425,818)	(34,500,000)	1,195,118,120
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	(1,395,332,004)	-	(1,395,332,004)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26,877,051,087</b>	<b>2,284,139,665</b>	<b>65,183,855,792</b>	<b>24,610,961,755</b>	<b>118,956,008,300</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	26,433,630,286	12,894,642,701	48,027,422,051	11,576,327,623	98,932,022,661
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25,839,285,750</b>	<b>11,629,131,331</b>	<b>46,532,237,814</b>	<b>10,747,672,201</b>	<b>94,748,327,095</b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5,096,806,800	13,540,285,686	18,637,092,486
Tăng trong năm	-	450,000,000	450,000,000
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm do hợp nhất	-	(126,500,000)	(126,500,000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5,096,806,800</b>	<b>13,863,785,686</b>	<b>18,960,592,486</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	10,312,457,358	10,312,457,358
Khấu hao trong năm	-	764,728,062	764,728,062
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm do hợp nhất	-	(126,500,000)	(126,500,000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>10,950,685,420</b>	<b>10,950,685,420</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5,096,806,800	3,227,828,328	8,324,635,128
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5,096,806,800</b>	<b>2,913,100,266</b>	<b>8,009,907,066</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	145,709,389,296	145,709,389,296
Tăng do XDCB hoàn thành	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>145,709,389,296</b>	<b>145,709,389,296</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	11,440,137,859	11,440,137,859
Khấu hao trong năm	-	914,120,121	914,120,121
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>12,354,257,980</b>	<b>12,354,257,980</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	134,269,251,437	134,269,251,437
<b>Số cuối kỳ</b>	-	<b>133,355,131,316</b>	<b>133,355,131,316</b>

**13. Chi phí xây dựng cơ bản**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	<i>10,764,479,835</i>	-	-	-	<i>10,764,479,835</i>
<i>XDCB dở dang</i>	<i>38,340,017,916</i>	<i>1,412,599,793</i>	<i>2,062,124</i>	<i>99,148,998</i>	<i>39,651,406,587</i>
Công trình In- Building	28,542,791,797	1,412,599,793	2,062,124	99,148,998	29,854,180,468
Công trình khác	9,797,226,119	-	-	-	9,797,226,119
<i>Chi phí khác</i>	<i>191,979,563</i>	-	-	-	<i>191,979,563</i>
<b>Cộng</b>	<b>49,296,477,314</b>	<b>1,412,599,793</b>	<b>2,062,124</b>	<b>99,148,998</b>	<b>50,607,865,985</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	198,425,639,732	144,799,167,468
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	415,003,245,074	338,244,791,629
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	5,246,054,725	17,528,041,475
Phải trả cho nhà cung cấp khác	29,540,471,796	54,376,319,197
<b>Cộng</b>	<b>648,215,411,327</b>	<b>554,948,319,769</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	13,243,051,725	6,605,563,922
Người mua trả tiền trước khác	209,111,191	211,622,914
<b>Cộng</b>	<b>13,452,162,916</b>	<b>6,817,186,836</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	17,056,086,917	25,185,493,185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,156,562,800	14,414,608,010
Thuế thu nhập cá nhân	5,805,538,544	11,570,518,192
Thuế khác	171,731,321	448,274,098
<b>Cộng</b>	<b><u>35,189,919,582</u></b>	<b><u>51,618,893,485</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58,562,283,595	46,544,219,907
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2,076,031,585)	(75,331,930)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2,076,031,585)	(75,331,930)
Thu nhập chịu thuế	56,486,252,010	46,468,887,977
Thu nhập tính thuế	56,486,252,010	46,468,887,977
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b><u>11,297,250,402</u></b>	<b><u>9,293,777,595</u></b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>11,297,250,401</u></b>	<b><u>9,293,777,594</u></b>

#### *Các loại thuế khác*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1,372,493,323	580,138,788
Kinh phí công đoàn	4,935,656,298	4,749,641,271
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10,097,526,971	9,657,149,161
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,205,632,008	855,136,400
Thuế nhà thầu tạm giữ	2,905,112,751	2,474,729,464
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	27,082,551,686	18,181,965,051
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	21,233,970,872	19,528,905,584
Các khoản khác	53,637,818,144	50,082,814,771
<b>Cộng</b>	<b><u>122,470,762,053</u></b>	<b><u>106,110,480,490</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**18. Dự phòng nghiệp vụ**

	Số cuối kỳ					Số đầu năm			
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuận	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuận	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)			
<b>18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng</b>									
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>1,093,750,158,441</b>	<b>574,667,637,271</b>	<b>519,082,521,170</b>	<b>1,161,842,936,713</b>	<b>609,646,277,303</b>	<b>552,196,659,410</b>			
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	940,774,918,941	484,443,515,013	456,331,403,928	1,018,867,697,213	519,422,155,045	499,445,542,168			
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	152,975,239,500	90,224,122,258	62,751,117,242	142,975,239,500	90,224,122,258	52,751,117,242			
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>	<b>3,257,234,465,126</b>	<b>1,324,552,051,184</b>	<b>1,932,682,413,942</b>	<b>3,160,260,976,999</b>	<b>1,373,748,583,697</b>	<b>1,786,512,393,302</b>			
<b>Cộng</b>	<b>4,350,984,623,567</b>	<b>1,899,219,688,455</b>	<b>2,451,764,935,112</b>	<b>4,322,103,913,712</b>	<b>1,983,394,861,000</b>	<b>2,338,709,052,712</b>			
<b>Trong đó chi tiết:</b>									
<b>Dự phòng bồi thường</b>									
Số dư đầu năm	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410	896,915,750,913	347,425,959,496	549,489,791,417			
Số trích lập trong kỳ	(68,092,778,272)	(34,978,640,032)	(33,114,138,240)	264,927,185,800	262,220,317,807	2,706,867,993			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,093,750,158,441</b>	<b>574,667,637,271</b>	<b>519,082,521,170</b>	<b>1,161,842,936,713</b>	<b>609,646,277,303</b>	<b>552,196,659,410</b>			
<b>Dự phòng phí chưa được hưởng</b>									
Số dư đầu năm	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302	2,144,592,205,609	732,477,619,828	1,412,114,585,781			
Số trích lập trong kỳ	96,973,488,127	(49,196,532,513)	146,170,020,640	1,015,668,771,390	641,270,963,869	374,397,807,521			
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3,257,234,465,126</b>	<b>1,324,552,051,184</b>	<b>1,932,682,413,942</b>	<b>3,160,260,976,999</b>	<b>1,373,748,583,697</b>	<b>1,786,512,393,302</b>			



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 18b. Dự phòng giao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	103,775,184,431	98,160,886,772
Số trích lập thêm trong kỳ	11,077,318,926	35,614,297,659
Số sử dụng trong kỳ	-	(30,000,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>114,852,503,357</u></b>	<b><u>103,775,184,431</u></b>

#### 19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,644,374,262	49,884,763,553	110,585,835,597	964,205,519	1,815,979,321,735
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	113,245,461,935	162,983,403	113,408,445,338
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	283,476,595	5,517,694,958	(5,969,471,554)	(1,700,000)	(170,000,001)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(64,316,567,200)	(22,000,000)	(64,338,567,200)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(183,476,595)	-	(183,476,595)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1,071,822,977)	(1,560,000)	(1,073,382,977)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(366,953,190)	-	(366,953,190)
Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	4,307,070,547	4,307,070,547
Giảm khác	-	-	-	-	(21,778,439)	21,778,439	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>803,957,090,000</b>	<b>827,943,052,804</b>	<b>22,927,850,857</b>	<b>55,402,458,511</b>	<b>151,901,227,577</b>	<b>5,430,777,908</b>	<b>1,867,562,457,657</b>
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	22,927,850,857	55,402,458,511	151,901,227,577	5,430,777,908	1,867,562,457,657
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	47,240,629,349	24,403,845	47,265,033,194
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức kỳ nay	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-
Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (do thanh lý công ty con)	-	-	-	-	2,600,091,178	(791,880,649)	1,808,210,529
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>803,957,090,000</b>	<b>827,943,052,804</b>	<b>22,927,850,857</b>	<b>55,402,458,511</b>	<b>201,741,948,104</b>	<b>4,663,301,104</b>	<b>1,916,635,701,380</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>80.395.709</u>	<u>80.395.709</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu phí bảo hiểm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	1,531,456,860,794	1,336,370,312,354
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(16,353,258,627)	(15,059,584,095)
Phí nhận tái bảo hiểm	13,754,264,110	15,131,507,431
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(422,562,016)	(763,500,718)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(96,973,488,127)	(320,047,149,385)
<b>Doanh thu thuần</b>	<u><b>1,431,461,816,134</b></u>	<u><b>1,015,631,585,587</b></u>

### 2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	-	6,509,221,946
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	4,945,177,381	25,178,912,419
<b>Cộng</b>	<u><b>4,945,177,381</b></u>	<u><b>31,688,134,365</b></u>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	62,444,077,591	25,284,852,988
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	89,740,951	33,951,338
Lãi kinh doanh chứng khoán	6,170,946,210	15,821,254,414
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4,224,659,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	811,792,941	302,832,475
Lãi đầu tư dài hạn	-	2,855,511,651
Các khoản khác	971,146,129	173,063,639
<b>Cộng</b>	<u><b>70,487,703,822</b></u>	<u><b>48,349,998,228</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	549,334,656	2,574,878,865
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	735,112,006	496,119,439
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(9,983,354,616)	12,191,633,500
Lỗ kinh doanh chứng khoán	39,114,676,240	15,818,658,803
Chi phí tài chính khác	73,727,838	1,046,458,619
<b>Cộng</b>	<b><u>30,489,496,124</u></b>	<b><u>32,127,749,226</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	77,856,791,941	147,083,460,659
Chi phí nguyên liệu vật liệu	6,610,679,076	3,400,244,486
Chi phí dụng cụ quản lý	4,098,975,157	3,211,159,701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,055,536,197	3,403,687,978
Thuế phí và lệ phí	5,771,865,999	3,586,729,972
Chi phí dự phòng	838,538,608	205,858,045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,573,072,944	19,459,593,066
Chi phí khác bằng tiền	41,596,783,453	43,162,363,458
<b>Cộng</b>	<b><u>164,402,243,375</u></b>	<b><u>223,513,097,364</u></b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47,240,629,349	37,240,659,916
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47,240,629,349	37,240,659,916
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80,395,709	80,395,709
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>588</u></b>	<b><u>463</u></b>

Lập, ngày 08 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Tiến



Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu